

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 47

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 24 tháng 9 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Kinh doanh vận tải hàng hóa, gia công cơ khí, sửa chữa máy móc, thiết bị và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy đường số 2 Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn Bá Thước	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Thị trấn Cảnh Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Nguyên liệu Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn Nhà máy Lavinafood	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch	
Ông Lê Văn Tân	Phó Chủ tịch	
Ông Lê Trung Thành	Thành viên	
Ông Phùng Thanh Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Tân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2020

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ban Kiểm toán nội bộ trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Thị Huệ	Trưởng Ban
Ông Lê Huy Hùng	Phó ban

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tân	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Bá Chiểu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Quý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Lê Văn Tân đã được Ông Lê Văn Tam ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo căn cứ theo Giấy Ủy quyền số 01 UQ/ĐLS – TCKT ngày 21 tháng 10 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

OC
TY
+
YOI
:AN
ÁN
ỘI
T.

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ✦ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ✦ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ✦ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ✦ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 28 tháng 9 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Tổng Giám đốc
Lê Văn Tân

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2021

Số tham chiếu: 61060845/21976603

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) được lập ngày 28 tháng 9 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Xuân Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1



Lê Minh Tùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4656-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		792.845.036.022	584.148.780.671
110	I. Tiền	4	15.070.086.958	21.977.130.971
111	1. Tiền		15.070.086.958	21.977.130.971
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		388.689.891.170	367.504.207.926
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	133.735.286.127	70.101.753.933
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	165.522.185.617	222.124.045.574
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	31	28.257.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	82.792.237.916	90.120.668.036
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(21.616.818.490)	(14.842.259.617)
140	III. Hàng tồn kho	8	385.192.529.095	191.393.727.287
141	1. Hàng tồn kho		389.736.158.079	194.673.346.429
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.543.628.984)	(3.279.619.142)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.892.528.799	3.273.714.487
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	3.892.528.799	3.273.714.487
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.669.897.066.244	1.605.172.194.887
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	14.820.024.989
216	1. Phải thu dài hạn khác		-	14.820.024.989
220	II. Tài sản cố định		1.067.350.285.122	1.040.512.478.686
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.036.913.430.136	1.009.786.821.482
222	Nguyên giá		2.660.282.935.096	2.630.044.445.072
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.623.369.504.960)	(1.620.257.623.590)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	30.436.854.986	30.725.657.204
228	Nguyên giá		41.498.657.235	41.498.657.235
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.061.802.249)	(10.773.000.031)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		269.403.152.489	262.606.740.765
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	269.403.152.489	262.606.740.765
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	289.343.431.344	254.127.382.291
251	1. Đầu tư vào công ty con		268.025.038.981	217.408.989.928
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		21.500.000.000	36.500.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.251.145.800	5.251.145.800
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(35.432.753.437)	(35.032.753.437)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		30.000.000.000	30.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		43.800.197.289	33.105.568.156
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	43.800.197.289	33.105.568.156
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.462.742.102.266	2.189.320.975.558




Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		918.106.460.191	671.561.413.328
310	I. Nợ ngắn hạn		792.413.948.081	582.666.092.119
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	110.487.699.480	105.492.166.838
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	49.217.440.442	10.521.680.617
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	17.777.226.777	13.584.825.247
314	4. Phải trả người lao động	16	10.192.964.888	12.678.607.429
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	59.186.259.102	7.064.402.936
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	5.604.448.281	13.526.367.061
320	7. Vay ngắn hạn	18	539.117.755.293	418.867.015.964
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	830.153.818	931.026.027
330	II. Nợ dài hạn		125.692.512.110	88.895.321.209
331	1. Phải trả người bán dài hạn	14.1	39.000.000.000	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	41.433.260.093	39.218.905.093
338	3. Vay dài hạn	18	14.535.000.000	3.470.000.000
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	20	30.724.252.017	46.206.416.116
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.544.635.642.075	1.517.759.562.230
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.521.819.901.130	1.489.628.322.657
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		181.855.673.009	180.176.411.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(25.442.046.725)	(32.871.691.000)
418	4. Quỹ đầu tư và phát triển		580.200.492.310	577.724.410.652
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		85.205.782.536	64.599.191.221
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		59.646.578.164	39.838.374.645
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		25.559.204.372	24.760.816.576
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		22.815.740.945	28.131.239.573
431	1. Nguồn kinh phí	22.1	2.639.654.975	5.340.121.039
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	22.2	20.176.085.970	22.791.118.534
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.462.742.102.266	2.189.320.975.558


Người lập
Hồ Thị Hậu


Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà


Tổng Giám đốc
Lê Văn Tấn

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2021

1802.
CÔNG TY
TNHH
T & Y
TNA
NHÂN
LÀ NỘI
TỔNG - T

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.731.661.496.229	1.513.085.441.204
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	-	689.964.338
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 – 02]	24.1	1.731.661.496.229	1.512.395.476.866
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	1.590.305.612.595	1.376.727.313.195
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 – 11]		141.355.883.634	135.668.163.671
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	3.893.215.063	3.559.319.952
22	7. Chi phí tài chính	26	27.367.550.919	31.388.151.540
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		14.907.507.645	24.744.772.888
25	8. Chi phí bán hàng	27	47.337.909.048	35.126.423.884
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	37.843.622.707	37.586.848.381
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 – 22 – 25 – 26]		32.700.016.023	35.126.059.818
31	11. Thu nhập khác	28	3.712.975.272	105.232.384
32	12. Chi phí khác	28	5.592.864.927	5.032.143.694
40	13. Lỗ khác [40 = 31 – 32]		(1.879.889.655)	(4.926.911.310)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		30.820.126.368	30.199.148.508
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	5.260.921.996	5.438.331.932
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 – 51]		25.559.204.372	24.760.816.576

Người lập
Hồ Thị Hậu

Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng Giám đốc
Lê Văn Tân

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2021



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		30.820.126.368	30.199.148.508
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		147.196.649.971	127.071.454.369
03	Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		8.438.568.715	5.110.281.222
04	Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư		(125.344.710)	181.423.018
05	Chi phí lãi vay		3.455.746.198	(301.064.162)
06		26	14.907.507.645	24.744.772.888
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		204.693.254.187	187.006.015.843
09	Giảm các khoản phải thu (Tăng)/giảm hàng tồn kho		12.586.253.525	3.428.873.341
10	Tăng các khoản phải trả (Tăng)/giảm chi phí trả trước		(195.062.811.650)	175.835.602.322
11	Tiền lãi vay đã trả		61.920.429.155	12.819.054.743
12	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(116.163.868)	4.704.504.213
14	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		(15.280.947.714)	(24.414.075.149)
15	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	30	(5.532.715.791)	(4.892.736.171)
16			13.113.699.740	7.294.000.000
17			(19.191.119.671)	(6.172.934.390)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		57.129.877.913	355.608.304.752
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(189.423.944.782)	(339.326.699.161)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		7.850.000.000	39.364.725
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(28.257.000.000)	(49.970.630.600)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		-	19.970.630.600
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.323.000.000	32.960.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.626.704.662	2.072.564.162
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(199.881.240.120)	(334.254.770.274)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ		9.108.905.500	-
33	Tiền thu từ đi vay		1.151.337.083.116	616.278.509.951
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.021.821.343.787)	(629.248.347.730)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(2.796.136.395)	(26.546.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		135.828.508.434	(12.996.383.779)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(6.922.853.773)	8.357.150.699
60	Tiền đầu năm		21.977.130.971	13.619.980.272
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		15.809.760	-
70	Tiền cuối năm	4	15.070.086.958	21.977.130.971



Người lập
Hồ Thị Hậu



Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc
Lê Văn Tân

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 24 tháng 9 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Kinh doanh vận tải hàng hóa, gia công cơ khí, sửa chữa máy móc, thiết bị và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn Bá Thước	Thị trấn Cảnh Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy Lavinafood	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là: 654 (ngày 30 tháng 6 năm 2020: 608).

Tính chất mùa vụ đối với hoạt động sản xuất của Công ty

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp, trong đó chủ yếu là các sản phẩm từ đường. Doanh thu các sản phẩm từ đường chiếm tỷ trọng 93,11% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Sản xuất đường có tính mùa vụ theo thời gian của mùa vụ trồng và thu hoạch mía, thường bắt đầu từ tháng 9 và kết thúc vào tháng 3. Theo đó, các hoạt động sản xuất chính liên quan trực tiếp đến sản phẩm đường của Công ty thường phát sinh trong giai đoạn này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 7 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích, tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
1	Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn (*)	43.59%	90%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất phân bón, kinh doanh dịch vụ vận tải, san lấp mặt bằng, kinh doanh các dịch vụ nông nghiệp
2	Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt và chăn nuôi
3	Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	100%	100%	Huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước (**)	100%	100%	Huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp
5	Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
6	Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, nghiên cứu và chế biến các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao
7	Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Kinh doanh, xuất nhập khẩu đường, các sản phẩm sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao

(*) Trong năm, Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn đã thực hiện phát hành riêng lẻ 1.270.000 cổ phiếu cho một cổ đông cá nhân hiện hữu và một cổ đông mới của công ty con này. Sau khi hoàn thành giao dịch này, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con này giảm từ 90% xuống còn 43,59% từ ngày 30 tháng 6 năm 2021. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng, Công ty vẫn nắm giữ đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị của công ty con này và qua đó, vẫn giữ quyền kiểm soát công ty này. Theo đó, Công ty tiếp tục ghi nhận khoản đầu tư vào công ty này là khoản đầu tư vào công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2021.

(**) Công ty con này đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục cần thiết để chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty trách nhiệm hữu hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 vào ngày 28 tháng 9 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để thu thập đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm nay và kết thúc ngày 30 tháng 6 năm sau.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
cụ và hàng hóa

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài và tiền thuê trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các quyền sử dụng đất này được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản và được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính như sau:

- ▶ Đối với các tài sản liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất mía đường, Công ty trích lập chi phí khấu hao theo phương pháp đường thẳng cho tất cả các tháng trong năm tài chính, ghi nhận vào Chi phí trả trước ngắn hạn và phân bổ đều vào chi phí sản xuất kinh doanh của các tháng mà nhà máy đường hoạt động, thông thường từ tháng 1 đến tháng 3 và tháng 11, tháng 12 của năm tài chính;
- ▶ Đối với các tài sản phục vụ cho hoạt động quản lý chung và các hoạt động kinh doanh khác, Công ty trích lập và ghi nhận chi phí khấu hao/hao mòn đều cho các tháng trong năm tài chính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản được Công ty áp dụng như sau:

Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 - 50 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây xanh lâu năm	8 - 23 năm

11/08
 DƯ
 M
 H
 P H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất với thời hạn từ 30 đến 35 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.14 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014 và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016. Số tiền trích quỹ hàng năm được Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

3.15 Nguồn kinh phí sự nghiệp

Nguồn kinh phí sự nghiệp là các khoản kinh phí được cấp bởi Ngân sách Nhà nước và được phê duyệt bởi các cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện các dự án, chương trình mục tiêu không vì mục đích lợi nhuận.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm tài chính hiện hành và các năm tài chính trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoài trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	78.398.224	252.843.555
Tiền gửi ngân hàng	14.991.688.734	21.724.287.416
TỔNG CỘNG	15.070.086.958	21.977.130.971

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	104.826.536.701	67.180.150.933
- Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	37.314.112.500	48.550.973.625
- Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Coca-Cola Việt Nam tại Hà Nội	17.612.272.125	-
- Công ty Cổ Phần Thực phẩm dinh dưỡng NUTIFOOD Bình Dương	11.605.295.100	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	38.294.856.976	18.629.177.308
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	28.908.749.426	2.921.603.000
TỔNG CỘNG	133.735.286.127	70.101.753.933
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 7)	(6.086.897.556)	(5.233.736.691)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	144.132.552.218	203.671.949.143
- Trả trước tiền mua nguyên vật liệu cho hợp tác xã và hộ nông dân	99.996.521.251	138.326.439.365
- Công ty TNHH Guangxi Laibin Pinguan Trade Group	25.879.010.088	9.972.882.075
- Công ty TNHH SIG Combibloc	-	23.528.570.277
- Trả trước cho người bán khác	18.257.020.879	31.844.057.426
Trả trước cho các bên liên quan ngắn hạn (Thuyết minh số 31)	21.389.633.399	18.452.096.431
TỔNG CỘNG	165.522.185.617	222.124.045.574
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7)	(6.856.735.628)	(1.104.462.620)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	37.170.116.627	-	25.242.404.395	-
Phải thu Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	12.425.918.143	-	23.444.838.329	-
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	10.752.274.510	(169.125.000)	22.197.557.902	-
Các khoản cho vay không lãi suất	8.504.060.306	(8.504.060.306)	8.504.060.306	(8.504.060.306)
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần	4.137.000.000	-	7.960.000.000	-
Phải thu khác	9.802.868.330	-	2.771.807.104	-
TỔNG CỘNG	82.792.237.916	(8.673.185.306)	90.120.668.036	(8.504.060.306)
Dài hạn				
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	-	-	13.350.024.989	-
Ký quỹ dài hạn	-	-	1.470.000.000	-
TỔNG CỘNG	-	-	14.820.024.989	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác</i>	<i>15.996.817.674</i>		<i>18.877.591.323</i>	
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan</i>				
<i>(Thuyết minh số 31)</i>	<i>66.795.420.242</i>		<i>72.713.076.713</i>	
<i>Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan</i>				
<i>(Thuyết minh số 31)</i>	<i>-</i>		<i>14.820.024.989</i>	

08/07/2021
CÁI
1
NST
VIỆT
HINH
HÀ
EM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	14.842.259.617	14.074.016.032
Dự phòng trích lập trong năm	6.774.558.873	768.243.585
Số cuối năm	<u>21.616.818.490</u>	<u>14.842.259.617</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự phòng phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)</i>	6.086.897.556	5.233.736.691
<i>Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)</i>	6.856.735.628	1.104.462.620
<i>Dự phòng các khoản phải thu khác (Thuyết minh số 6)</i>	8.673.185.306	8.504.060.306

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Thành phẩm	316.663.133.768	(2.942.738.216)	120.748.711.286	(2.716.046.638)
Hàng hóa	22.963.503.020	-	46.808.810.307	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	43.096.067.964	(1.600.890.768)	22.371.585.642	(563.572.504)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.471.627.344	-	3.228.797.194	-
Công cụ, dụng cụ	1.253.373.451	-	1.207.333.101	-
Hàng mua đang đi trên đường	288.452.532	-	308.108.899	-
TỔNG CỘNG	<u>389.736.158.079</u>	<u>(4.543.628.984)</u>	<u>194.673.346.429</u>	<u>(3.279.619.142)</u>

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	3.279.619.142	563.572.504
Dự phòng trích lập trong năm	1.264.009.842	2.716.046.638
Số cuối năm	<u>4.543.628.984</u>	<u>3.279.619.142</u>

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
Số đầu năm	538.384.739.822	2.018.356.635.043	52.275.913.475	20.493.766.732	533.390.000	2.630.044.445.072
- Mua trong năm	166.363.636	28.898.882.093	-	52.181.818	-	29.117.427.547
- Đầu tư XDCB hoàn thành	63.638.384.627	128.930.712.678	2.119.955.368	43.927.841	-	194.732.980.514
- Góp vốn vào công ty con	(15.103.536.859)	(23.955.454.931)	(2.119.955.368)	(43.927.841)	-	(41.222.874.999)
- Thanh lý, nhượng bán (*)	(51.990.680.920)	(89.967.441.264)	(10.252.036.790)	(178.884.064)	-	(152.389.043.038)
- Phân loại lại	-	(770.000.000)	770.000.000	-	-	-
Số cuối năm	535.095.270.306	2.061.493.333.619	42.793.876.685	20.367.064.486	533.390.000	2.660.282.935.096
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	112.539.932.534	330.789.905.735	30.448.679.029	19.866.188.052	333.390.000	493.978.095.350
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	274.700.714.776	1.276.892.021.543	48.073.795.612	20.200.179.319	390.912.340	1.620.257.623.590
- Khấu hao trong năm	17.982.039.189	132.122.422.310	1.553.380.059	109.470.085	8.691.252	151.776.002.895
- Thanh lý, nhượng bán (*)	(50.504.935.736)	(87.728.264.935)	(10.252.036.790)	(178.884.064)	-	(148.664.121.525)
Số cuối năm	242.177.818.229	1.321.286.178.918	39.375.138.881	20.130.765.340	399.603.592	1.623.369.504.960
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	263.684.025.046	741.464.613.500	4.202.117.863	293.587.413	142.477.660	1.009.786.821.482
Số cuối năm	292.917.452.077	739.437.154.701	4.188.737.804	236.299.146	133.786.408	1.036.913.430.136

Công ty đã sử dụng bất động sản tại Mai Dịch, Hà Nội, một phần dây chuyền máy móc, thiết bị của Nhà máy Đường số 2 và một số máy móc, thiết bị khác làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

(*) Chủ yếu bao gồm giá trị tài sản thanh lý của Nhà máy đường số 1 và Nhà máy còn đã ngừng hoạt động từ các năm tài chính trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	19.037.780.000	13.157.797.517	9.303.079.718	41.498.657.235
Số cuối năm	19.037.780.000	13.157.797.517	9.303.079.718	41.498.657.235
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	-	9.187.279.718	9.187.279.718
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	-	1.562.560.308	9.210.439.723	10.773.000.031
- Hao mòn trong năm	-	265.642.218	23.160.000	288.802.218
Số cuối năm	-	1.828.202.526	9.233.599.723	11.061.802.249
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	19.037.780.000	11.595.237.209	92.639.995	30.725.657.204
Số cuối năm	19.037.780.000	11.329.594.991	69.479.995	30.436.854.986

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Công viên sinh thái Thanh Tam	198.474.132.444	134.396.745.525
Dự án Trung tâm Công nghệ cao Lam Sơn	30.366.333.204	30.366.333.204
Dự án nước mía cô đặc	17.294.159.691	-
Dự án khảo sát đánh giá và tư vấn giải pháp CNTT Lasuco	10.001.177.334	165.000.000
Dự án Trung tâm Chế biến Nông sản Công nghệ cao Lam Sơn	8.004.864.248	40.072.118.941
Dự án Trầm Hương	5.262.485.568	8.542.424.462
Dự án nuôi cấy mía mô	-	16.747.188.074
Dự án Nhà máy Chế biến sữa gạo	-	31.042.259.559
Dự án khác	-	1.274.671.000
TỔNG CỘNG	269.403.152.489	262.606.740.765



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

12.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên đơn vị	Tỷ lệ biểu quyết (%)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển (i)	38,39%	38,39%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân (ii)	0%	30%

(i) Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển

Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 012032000254 do Ban Quản lý Các khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp vào ngày 20 tháng 9 năm 2007. Công ty này có trụ sở chính tại Lô CN-B3, Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển là sản xuất, pha chế và kinh doanh các sản phẩm rượu, đồ uống. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty nắm 38,39% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

(ii) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân

Vào ngày 24 tháng 6 năm 2021, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân cho một đối tác cá nhân với tổng giá phí chuyển nhượng là 4.500.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 72NQ/ĐLS-HĐQT. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân không còn là công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

12.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với kỳ hạn 10 năm và đáo hạn vào ngày 29 tháng 10 năm 2029. Lãi suất của trái phiếu này được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng 1,2%/năm và được thanh toán hàng năm. Công ty đã sử dụng khoản trái phiếu này làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	1.619.310.271	-
Chi phí hỗ trợ hộ nông dân	-	1.426.459.326
Chi phí khác	2.273.218.528	1.847.255.161
TỔNG CỘNG	3.892.528.799	3.273.714.487
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	29.576.294.138	30.741.618.867
Chi phí phát triển giống mía	11.197.279.577	-
Công cụ, dụng cụ	3.026.623.574	2.363.949.289
TỔNG CỘNG	43.800.197.289	33.105.568.156

14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

14.1 Phải trả cho người bán

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Phải trả người bán ngắn hạn	76.156.727.178	76.156.727.178	49.449.454.652	49.449.454.652
Công ty TNHH SIG Combibloc	17.813.758.238	17.813.758.238	8.596.914.723	8.596.914.723
Công ty TNHH Guangxi Nanning Qiaolong International Trading	16.230.700.882	16.230.700.882	16.913.925.173	16.913.925.173
Phải trả người bán khác	42.112.268.072	42.112.268.072	23.938.614.756	23.938.614.756
Phải trả cho các bên liên quan ngắn hạn (Thuyết minh số 31)	34.330.972.288	34.330.972.288	56.042.712.186	56.042.712.186
TỔNG CỘNG	110.487.699.480	110.487.699.480	105.492.166.838	105.492.166.838
Dài hạn				
Công ty TNHH Tân An	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
Phải trả cho các bên liên quan dài hạn (Thuyết minh số 31)	37.000.000.000	37.000.000.000	-	-
TỔNG CỘNG	39.000.000.000	39.000.000.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC (tiếp theo)

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.194.074.355	5.009.378.617
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 31)	36.023.366.087	5.512.302.000
TỔNG CỘNG	49.217.440.442	10.521.680.617

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp/cán trừ trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	8.289.851.881	113.604.670.528	(109.594.402.731)	12.300.119.678
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 30)	5.294.973.366	5.260.921.996	(5.532.715.791)	5.023.179.571
Thuế nhà thầu	-	4.706.548.704	(4.345.804.052)	360.744.652
Thuế nhập khẩu	-	62.752.759.770	(62.752.759.770)	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.183.330.983	(1.090.716.224)	92.614.759
Các loại thuế khác	-	3.178.115.691	(3.177.547.574)	568.117
TỔNG CỘNG	13.584.825.247	190.686.347.672	(186.493.946.142)	17.777.226.777

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí vận chuyển mía	3.624.716.881	3.953.116.465
Chi phí lãi vay	613.917.237	1.318.055.045
Chi phí mua vật tư, nguyên liệu	341.360.100	699.815.688
Chi phí liên quan đến nhập khẩu đường thô	53.458.197.321	-
Các khoản chi phí phải trả khác	1.148.067.563	1.093.415.738
TỔNG CỘNG	59.186.259.102	7.064.402.936

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Phải trả cổ tức	2.385.369.870	5.181.506.265
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.343.704.710	1.724.422.916
Kinh phí công đoàn	209.724.546	1.731.004.698
Phải trả tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2015/2016	-	2.234.355.000
Các khoản phải trả khác	1.665.649.155	2.655.078.182
	5.604.448.281	13.526.367.061
Dài hạn		
Quỹ khen thưởng (<i>Thuyết minh số 19</i>)	28.700.000.000	30.000.000.000
Phải trả tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận	9.954.946.150	7.720.591.150
Phải trả tiền mua cổ phần	858.313.943	858.313.943
Phải trả dài hạn khác	1.920.000.000	640.000.000
	41.433.260.093	39.218.905.093
TỔNG CỘNG	47.037.708.374	52.745.272.154
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả khác	36.224.448.281	41.932.012.061
Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	-	2.234.355.000
Phải trả dài hạn khác cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	10.813.260.093	8.578.905.093

ĐƯỢC
 VS.
 VIẾT
 HỮU
 HỮU
 CHỮ
 ĐEM

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY

Thuyết minh	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng	416.950.390.964	416.950.390.964	1.141.337.083.116	(1.019.169.718.787)	539.117.755.293	539.117.755.293	
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	1.916.625.000	1.916.625.000	-	(1.916.625.000)	-	-	
	418.867.015.964	418.867.015.964	1.141.337.083.116	(1.021.086.343.787)	539.117.755.293	539.117.755.293	
Vay dài hạn							
Vay bên liên quan	-	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	
Vay dài hạn đối tượng khác	3.470.000.000	3.470.000.000	1.800.000.000	(735.000.000)	4.535.000.000	4.535.000.000	
	3.470.000.000	3.470.000.000	11.800.000.000	(735.000.000)	14.535.000.000	14.535.000.000	
TỔNG CỘNG	422.337.015.964	422.337.015.964	1.153.137.083.116	(1.021.821.343.787)	553.652.755.293	553.652.755.293	

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (USD)	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa	-	289.863.150.873	Kỳ hạn vay 9 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 29 tháng 3 năm 2022. Lãi vay được trả hàng tháng.	6%	Một số máy móc, thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2, bất động sản tại Mai Dịch, Hà Nội và trái phiếu được phát hành bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với tổng mệnh giá là 30 tỷ đồng.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thanh Hóa	-	99.990.151.770	Kỳ hạn vay 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 26 tháng 11 năm 2021. Lãi vay được trả hàng tháng.	6,2%	Một số máy móc, thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2 và Xi nghiệp nguyên liệu.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	2.430.000	56.264.452.650	Kỳ hạn vay 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 13 tháng 10 năm 2021. Lãi vay được trả hàng tháng.	3,5%	Dây chuyền thiết bị sản xuất sữa gạo lứt và hệ thống chiết rót đóng hộp và các khoản kí quỹ của Công ty tại ngân hàng với giá trị khoảng 6 tỷ đồng.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Thanh Hóa	-	48.000.000.000	Kỳ hạn vay 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 22 tháng 12 năm 2021. Lãi vay được trả hàng tháng.	6%	Một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn thuộc sở hữu của cán bộ chủ chốt Công ty.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Hóa	-	25.000.000.000	Kỳ hạn vay 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 19 tháng 12 năm 2021. Lãi vay được trả hàng tháng.	7,3%	Tín chấp.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	-	20.000.000.000	Kỳ hạn vay 5 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 8 tháng 11 năm 2021. Lãi vay được trả hàng tháng.	6,6%	Bảo lãnh cá nhân của một cổ đông lớn và máy ép dịch mía sản xuất tại Trung Quốc.
TỔNG CỘNG	2.430.000	539.117.755.293			

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Khoản vay dài hạn từ bên liên quan

Chi tiết khoản vay dài hạn từ bên liên quan được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Công ty TNHH Lam Sơn – Sao Vàng	10.000.000.000	Gốc vay đáo hạn vào ngày 16 tháng 12 năm 2022. Lãi và gốc vay được trả khi đáo hạn khoản vay.	Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hàng	Tín chấp

TỔNG CỘNG 10.000.000.000

Trong đó:

- Vay dài hạn 10.000.000.000

18.3 Các khoản vay dài hạn từ các đối tượng khác

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ các đối tượng khác được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Công đoàn của Công ty	3.800.000.000	Gốc vay đáo hạn vào ngày 1 tháng 1 năm 2023. Lãi vay được thanh toán 6 tháng 1 lần.	5%-7%	Tín chấp
Ông Lê Xuân Bách	735.000.000	Gốc vay đáo hạn vào ngày 26 tháng 5 năm 2025. Lãi và gốc vay được thanh toán khi đáo hạn.	Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hàng	Tín chấp

TỔNG CỘNG 4.535.000.000

Trong đó:

- Vay dài hạn 4.535.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	931.026.027	31.189.852.613
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh số 21.1)	2.476.081.658	2.365.447.843
Sử dụng quỹ trong năm	(3.376.953.867)	(2.624.274.429)
Phân loại từ Phải trả dài hạn (*)	800.000.000	-
Phân loại sang Phải trả dài hạn	-	(30.000.000.000)
Số cuối năm	830.153.818	931.026.027

(*) Trong năm, Công ty đã thực hiện phân loại một phần Quỹ khen thưởng từ tài khoản Phải trả dài hạn khác sang tài khoản Quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 800 triệu VND căn cứ theo Kế hoạch sử dụng Quỹ khen thưởng năm tài chính 2021/2022 được Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt (căn cứ theo ủy quyền của Hội đồng Quản trị Công ty theo Quyết định số 289NQ/ĐLS-HĐQT ngày 30 tháng 6 năm 2020).

20. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	46.206.416.116	48.462.072.253
Sử dụng quỹ trong năm	(15.482.164.099)	(2.255.656.137)
Số cuối năm	30.724.252.017	46.206.416.116



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000	-	700.000.000.000	700.000.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	181.855.673.009	181.855.673.009	-	180.176.411.784	180.176.411.784	-
Cổ phiếu quỹ	(25.442.046.725)	(25.442.046.725)	-	(32.871.691.000)	(32.871.691.000)	-
TỔNG CỘNG	856.413.626.284	856.413.626.284	-	847.304.720.784	847.304.720.784	-

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	700.000.000.000	700.000.000.000
Số cuối năm	700.000.000.000	700.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia/dã công bố	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (năm trước: 10.000 VND).

21.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	70.000.000	70.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	70.000.000	70.000.000
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(2.325.850)	(3.005.050)
Cổ phiếu đang lưu hành	67.674.150	66.994.950
Cổ phiếu phổ thông	67.674.150	66.994.950
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Theo Nghị quyết số 190.NQ/ĐLS-HĐQT ngày 17 tháng 6 năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc đăng ký bán 2.325.850 cổ phiếu quỹ còn lại với thời gian thực hiện giao dịch là từ ngày 30 tháng 7 năm 2021 đến ngày 27 tháng 8 năm 2021. Đến ngày 28 tháng 8 năm 2021, Công ty đã thông báo bán thành công 848.600 cổ phiếu quỹ theo Báo cáo kết quả giao dịch bán cổ phiếu quỹ số 135/ĐLS-HĐQT. Theo đó, số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2021 đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này là 68.522.750 cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC

22.1 Nguồn kinh phí

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.340.121.039	1.594.781.000
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	13.113.699.740	7.294.000.000
Chi trong năm	(15.814.165.804)	(3.548.659.961)
Số cuối năm	<u>2.639.654.975</u>	<u>5.340.121.039</u>

22.2 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	22.791.118.534	25.406.024.650
Sử dụng quỹ	(2.615.032.564)	(2.614.906.116)
Số cuối năm	<u>20.176.085.970</u>	<u>22.791.118.534</u>

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (VND) (*)	181.890.230.000	126.029.344.762
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vật tư, hàng hóa giữ hộ bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 31)</i>	49.793.000.000	8.278.095.238
<i>Vật tư, hàng hóa giữ hộ bên khác</i>	132.097.230.000	117.751.249.524
2. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	16.571	1.677
- Euro (EUR)	-	116

(*) Hàng hóa nhận giữ hộ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là giá trị của 11.352 tấn đường và 1.000 tấn mật rỉ được Công ty xuất bán cho khách hàng (bao gồm các bên liên quan) và đang được gửi tại kho của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.731.661.496.229	1.513.085.441.204
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	1.254.773.360.700	1.161.707.627.865
Doanh thu bán hàng hóa	448.925.171.317	336.864.271.429
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.962.964.212	14.513.541.910
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(689.964.338)
Hàng bán bị trả lại	-	(689.964.338)
Doanh thu thuần	1.731.661.496.229	1.512.395.476.866
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	421.283.677.589	625.591.318.674
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên khác	1.310.377.818.640	886.804.158.192

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi trái phiếu	3.432.180.224	3.301.064.162
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	461.034.839	258.255.790
TỔNG CỘNG	3.893.215.063	3.559.319.952

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.129.030.585.759	1.020.569.302.266
Giá vốn của hàng hóa đã bán	428.016.714.271	336.893.140.628
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	31.994.302.723	16.548.823.663
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.264.009.842	2.716.046.638
TỔNG CỘNG	1.590.305.612.595	1.376.727.313.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	14.907.507.645	24.744.772.888
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10.500.000.000	3.000.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	836.235.310	1.800.752.149
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	400.000.000	1.625.990.999
Chi phí tài chính khác	723.807.964	216.635.504
TỔNG CỘNG	<u>27.367.550.919</u>	<u>31.388.151.540</u>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	5.318.003.622	4.713.056.526
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.063.048.717	2.149.472.601
Chi phí vận chuyển	9.746.187.237	12.867.769.528
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.464.439.066	9.094.631.521
Chi phí khác	2.746.230.406	6.301.493.708
TỔNG CỘNG	<u>47.337.909.048</u>	<u>35.126.423.884</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	13.126.223.852	16.242.555.061
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	4.303.364.199	4.315.786.147
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.954.596.075	12.007.175.552
Chi phí dự phòng phải thu	6.774.558.873	768.243.585
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.684.879.708	4.253.088.036
TỔNG CỘNG	<u>37.843.622.707</u>	<u>37.586.848.381</u>

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	3.712.975.272	105.232.384
Lãi thanh lý tài sản cố định	3.612.073.578	-
Thu nhập khác	100.901.694	105.232.384
Chi phí khác	5.592.864.927	5.032.143.694
Chi phí khấu hao và kiểm tu của tài sản cố định tạm dừng sản xuất	3.040.910.124	3.930.996.038
Chi phí khác	2.551.954.803	1.101.147.656
LỖ KHÁC THUẬN	<u>(1.879.889.655)</u>	<u>(4.926.911.310)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.126.760.052.346	681.558.935.816
Chi phí nhân công	43.330.910.187	39.932.913.877
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	144.155.739.847	123.140.458.331
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.218.183.645	27.834.540.395
Chi phí khác	57.898.786.882	33.600.298.001
TỔNG CỘNG	<u>1.444.363.672.907</u>	<u>906.067.146.420</u>

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Công văn số 676/CT-TTHT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa, Công ty được áp dụng thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") là 15% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía tại địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 trở đi. Công ty cũng được miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp của Xí nghiệp Cơ giới. Đối với thu nhập từ các hoạt động khác, thuế suất thuế TNDN là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

802
16/7
HH
YC
VAA
ÁNH
ĐI
T.P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.820.126.368	30.199.148.508
Các điều chỉnh tăng lợi nhuận theo kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí của các nhà máy tạm dừng sản xuất	3.040.910.124	3.930.996.038
Chi phí không được khấu trừ khác	1.211.776.818	3.255.862.028
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	35.072.813.310	37.386.006.574
Trong đó:		
Thu nhập chịu thuế suất 15%	35.072.813.310	37.386.006.574
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành	5.260.921.996	5.607.900.986
Thuế TNDN phải trả đầu năm	5.294.973.366	4.749.377.605
Điều chỉnh giảm thuế TNDN do trích thừa các năm trước	-	(169.569.054)
Thuế TNDN đã trả trong năm	(5.532.715.791)	(4.892.736.171)
Thuế TNDN phải trả cuối năm <i>(Thuyết minh số 15)</i>	5.023.179.571	5.294.973.366



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	Công ty con	Mua nguyên liệu	30.764.641.545	35.299.517.900
		Bán đường	22.707.142.857	8.571.838.096
		Cung cấp dịch vụ làm đất	4.476.111.170	1.568.050.270
		Cung cấp dịch vụ thu hoạch mía	-	2.676.382.520
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước	Công ty con	Mua mía nguyên liệu	37.143.467.427	41.785.434.711
		Bán đường	9.585.714.285	-
		Ứng trước tiền mía nguyên liệu	-	4.634.278.861
		Bán máy móc, thiết bị	-	39.364.725
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Công ty con	Bán đường, mật rỉ	25.924.693.953	15.361.961.905
		Mua phân bón	556.432.000	712.151.000
		Cho vay ngắn hạn	-	19.970.630.600
		Thu hồi gốc vay	-	19.970.630.600
		Lãi cho vay	-	471.281.395
Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	Công ty con	Mua nguyên liệu, hàng hóa	1.187.294.236	665.759.519
		Bán vật tư, dịch vụ	736.095.238	5.462.369.487
		Cung cấp dịch vụ làm đất	160.539.420	354.842.423
		Các khoản chi hộ	-	11.326.837.482
Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn	Công ty con	Bán đường	333.637.853.492	181.698.869.633
		Mua hàng hóa, dịch vụ	29.094.566.601	11.791.058.784
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đồng	Bán đường, mật rỉ	24.021.457.998	17.764.512.307
		Mua đường	-	253.893.500.000
Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	Bên liên quan khác	Mua dịch vụ, nguyên liệu	1.717.994.681	33.815.544.785
		Bán đường, điện	34.069.176	37.154.938
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Cổ đồng	Thu hồi khoản chi trả hộ	-	3.573.880.000
Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	Công ty con	Góp vốn bằng tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	50.616.049.053	-
		Cho vay vốn lưu động	28.257.000.000	-
		Nhận hoàn vốn đầu tư	7.050.000.000	-
		Mua nguyên vật liệu	2.664.321.590	-
Công ty Cổ phần BrainMark	Bên liên quan khác	Chi phí nghiên cứu thị trường	8.116.847.397	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty bán hàng và mua hàng đối với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản vay và cho vay có lãi suất, số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi từ các bên liên quan với số tiền là: 12.307.663.306 VND (ngày 30 tháng 6 năm 2020: 12.307.663.306 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm tài chính thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)				
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	Công ty liên kết	Bán đường	2.921.603.000	2.921.603.000
Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn	Công ty con	Bán đường	25.987.146.426	-
TỔNG CỘNG			28.908.749.426	2.921.603.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)				
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	18.297.027.769	12.935.817.570
Công ty Cổ phần BrainMark	Bên liên quan khác	Ứng trước tiền nghiên cứu thị trường	1.441.227.397	-
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	882.000.000	882.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	Tạm ứng tiền sản xuất	653.901.183	4.634.278.861
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Cổ đồng	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	115.477.050	-
TỔNG CỘNG			21.389.633.399	18.452.096.431
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	Công ty con	Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)	28.257.000.000	-
TỔNG CỘNG			28.257.000.000	-

(*) Theo hợp đồng vay vốn số 01/2021HĐ/LASUCO-TPH ngày 19 tháng 5 năm 2021, Công ty đã cho Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng vay vốn, không có tài sản đảm bảo, theo hạn mức với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, số dư cho vay là 28,257 tỷ VND với thời hạn vay là 6 tháng và hưởng lãi suất 6,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu, phải trả và các khoản khác với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6)				
Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	Công ty con	Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	37.170.116.627	25.242.404.395
Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	Công ty con	Các khoản chi hệ	12.425.918.143	23.444.838.329
Các cán bộ quản lý chủ chốt	Các cán bộ quản lý chủ chốt	Tạm ứng	8.695.325.166	15.521.773.683
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu tiền gốc vay	8.504.060.306	8.504.060.306
TỔNG CỘNG			66.795.420.242	72.713.076.713
(*) Đây là giá trị góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh sản xuất lúa hữu cơ. Căn cứ theo hợp đồng này, Công ty sẽ được hoàn trả khoản vốn góp này mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng. Ngoài ra, Công ty cũng sẽ được phân chia 50% lợi nhuận (nếu có) từ việc hợp tác kinh doanh này.				
Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 6)				
Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	Công ty con	Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	13.350.024.989
TỔNG CỘNG			-	13.350.024.989
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14.1)				
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Công ty con	Phải trả tiền mua phân bón	23.809.462.348	28.863.282.179
Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	Bên liên quan khác	Phải trả phí dịch vụ	10.466.253.650	15.937.649.079
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Cổ đồng	Phải trả phí thường niên	55.256.290	1.079.968.290
Công ty TNHH Lam Sơn – Sao Vàng	Công ty con	Phải trả tiền mua hàng hóa	-	10.144.162.638
Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn	Công ty con	Phải trả phí dịch vụ	-	17.650.000
TỔNG CỘNG			34.330.972.288	56.042.712.186
Phải trả người bán dài hạn (Thuyết minh số 14.1)				
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Công ty con	Phải trả tiền mua phân bón	37.000.000.000	-
TỔNG CỘNG			37.000.000.000	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 14.2)				
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đồng	Trả trước tiền mua đường	35.866.296.087	4.512.732.000
Công ty TNHH Lam Sơn – Sao Vàng	Công ty con	Trả trước tiền mua vật tư	157.070.000	999.570.000
TỔNG CỘNG			36.023.366.087	5.512.302.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu, phải trả và các khoản khác với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác				
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành	Bên liên quan khác	Phải trả về lợi nhuận vượt kế hoạch kỳ kế toán 2015-2016	-	2.234.355.000
TỔNG CỘNG			-	2.234.355.000
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 17)				
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Các cán bộ quản lý chủ chốt	Tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận	9.954.946.150	7.720.591.150
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	Phải trả về mua cổ phần	858.313.943	858.313.943
TỔNG CỘNG			10.813.260.093	8.578.905.093
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (Thuyết minh số 23)				
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước	Công ty con	Đường thành phẩm	6.550.500.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông	Đường thành phẩm	16.020.000.000	8.278.095.238
Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	Công ty con	Đường thành phẩm	23.842.500.000	-
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Công ty con	Đường thành phẩm	3.380.000.000	-
TỔNG CỘNG			49.793.000.000	8.278.095.238

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) và Ban Tổng Giám đốc:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch HĐQT	1.185.960.615	957.483.047
Ông Lê Văn Tân	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	776.729.846	573.155.908
Ông Lê Trung Thành	Thành viên HĐQT	541.591.385	507.924.247
Ông Phùng Thanh Hải	Thành viên HĐQT	120.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tân	Thành viên HĐQT (từ ngày 18 tháng 11 năm 2020)	80.000.000	-
Ông Lê Du Phong	Thành viên HĐQT (đến ngày 17 tháng 1 năm 2020)	-	91.000.000
Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc (đến ngày 2 tháng 10 năm 2019)	-	99.030.704
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	478.960.615	381.017.596
Ông Lê Bá Chiếu	Phó Tổng Giám đốc	474.922.154	378.220.333
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	477.614.462	381.017.596
Ông Phạm Ngọc Quý	Phó Tổng Giám đốc	434.883.692	234.480.161
Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc	474.922.154	263.180.161
TỔNG CỘNG		5.045.584.923	3.962.509.754

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dịch vụ nông nghiệp. Doanh thu việc sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp chiếm tỷ trọng 100% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết liên quan đến khoản đầu tư dài hạn

Thực hiện Nghị quyết số 99 NQ/ĐLS – HĐQT ngày 5 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty đã thành lập Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn với tổng vốn điều lệ được đăng ký là 26 tỷ VND do Công ty sở hữu 100% vốn để thực hiện các hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu đường, các sản phẩm sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đã thực hiện góp vốn vào công ty con này với tổng số tiền là 9.862.396.042 VND và Công ty đang trong quá trình hoàn thành các thủ tục để góp bổ sung phần vốn điều lệ còn thiếu tại công ty con này.

Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có cam kết khoảng 18,4 tỷ VND từ các hợp đồng mua máy móc thiết bị, nguyên liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có cam kết khoảng 18,4 tỷ VND từ các hợp đồng mua máy móc thiết bị, nguyên liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết số 190.NQ/ĐLS-HĐQT ngày 17 tháng 6 năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc đăng ký bán 2.325.850 cổ phiếu quỹ còn lại với thời gian thực hiện giao dịch là từ ngày 30 tháng 7 năm 2021 đến ngày 27 tháng 8 năm 2021. Đến ngày 28 tháng 8 năm 2021, Công ty đã bán thành công 848.600 cổ phiếu quỹ theo Báo cáo kết quả giao dịch bán cổ phiếu quỹ số 135/ĐLS-HĐQT.

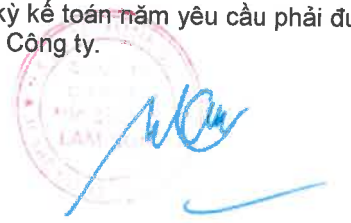
Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Người lập
Hồ Thị Hậu



Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc
Lê Văn Tân

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2021

